



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 29



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam được thành lập theo Nghị quyết của cổ đông sáng lập ngày 03 tháng 04 năm 2007 về việc cùng nhau góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 62/UBCK-GP ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong quá trình hoạt động Công ty được điều chỉnh theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước do thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Thành tiền (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	269.500	2.695.000.000
Ông Lê Minh Tuấn	785.799	7.857.990.000
Ông Trịnh Quốc Vân	939.710	9.397.100.000
Ông Trần Quang Luyến	434.000	4.340.000.000
Ông Trần Đức Chiến	1.088.560	10.885.600.000
Bà Trần Thị Hồng Hà	599.640	5.996.400.000
Bà Lê Phương Huyền	40.000	400.000.000
Các cổ đông khác	3.342.791	33.427.910.000
Cộng	7.500.000	75.000.000.000

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 39 726 178
Fax : (84.4) 39 726 179
Mã số thuế : 0 1 0 2 4 5 9 1 0 6

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 29).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trịnh Quốc Vân	Chủ tịch	30 tháng 3 năm 2012
Ông Lê Minh Tuấn	Ủy viên	15 tháng 11 năm 2011
Ông Đỗ Anh Đức	Ủy viên	29 tháng 05 năm 2010
Ông Nguyễn Trung Duy	Ủy viên	29 tháng 05 năm 2010
Ông Trần Đức Chiến	Ủy viên	29 tháng 05 năm 2010
Ông Phùng Danh Thắm	Ủy viên	14 tháng 05 năm 2011

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Lê Thị Thủy	Trưởng ban	26 tháng 05 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Hoàng	Ủy viên	29 tháng 05 năm 2010
Ông Chu Quốc Vinh	Ủy viên	29 tháng 05 năm 2010

Ban điều hành, quản lý

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Dũng Tiến	Tổng Giám đốc	10 tháng 7 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trịnh Quốc Vân

Ngày 19 tháng 7 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 285/2013/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 19 tháng 7 năm 2013, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01-CTCK

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		52.240.465.221	78.171.883.094
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.893.152.089	52.109.268.520
1. Tiền	111		13.893.152.089	31.189.268.520
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	20.920.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.390.619.814	3.471.128.314
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.471.186.574	3.471.186.574
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(80.566.760)	(58.260)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.119.652.486	20.766.358.356
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	32.379.674.534	28.003.094.000
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	140.000.000	179.333.774
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	74.340.986	58.293.616
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(7.474.363.034)	(7.474.363.034)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.837.040.832	1.825.127.904
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	223.419.596	186.506.668
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	1.612.321.236	1.612.321.236
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.300.000	26.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		4.417.786.541	4.757.278.782
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.344.121.980	1.774.232.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	416.248.641	713.029.453
<i>Nguyên giá</i>	222		2.849.373.359	3.724.063.724
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.433.124.718)	(3.011.034.271)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	676.653.339	809.983.306
<i>Nguyên giá</i>	228		2.010.827.850	2.026.901.850
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.334.174.511)	(1.216.918.544)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	251.220.000	251.220.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
- <i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		-	-
- <i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.073.664.561	2.983.046.023
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	235.374.688	144.756.150
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.13	2.795.778.873	2.795.778.873
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	42.511.000	42.511.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		56.658.251.762	82.929.161.876

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.519.416.691	35.279.872.619
I. Nợ ngắn hạn	310		8.519.416.691	35.279.872.619
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	6.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	95.461.262	13.990.848
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	1.004.000.000	78.892
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.18	7.419.737.033	28.765.584.483
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	-
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		218.396	218.396
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		48.138.835.071	47.649.289.257
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	48.138.835.071	47.649.289.257
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.000.000.000	75.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		636.000.000	636.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(27.497.164.929)	(27.986.710.743)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		56.658.251.762	82.929.161.876

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	-	-	-	-
Trong đó:					
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	(79.664.242.500)	(114.099.205.500)		
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	-	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	-	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-	-	-

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Lập, ngày 19 tháng 7 năm 2013

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Quốc Vân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		4.157.952.846	5.284.689.295
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.991.911.429	2.901.096.658
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		86.353.658	53.712.415
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9	VI.1	2.079.687.759	2.329.880.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.401.050	21.702.488
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)	10		4.143.551.796	5.262.986.807
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	1.742.937.175	1.080.103.161
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)	20		2.400.614.621	4.182.883.646
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	1.730.119.797	2.436.887.975
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)	30		670.494.824	1.745.995.671
8. Thu nhập khác	31	VI.4	82.730.000	11.057.984
9. Chi phí khác	32	VI.5	263.679.010	82.210.400
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(180.949.010)	(71.152.416)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		489.545.814	1.674.843.255
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		489.545.814	1.674.843.255
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	65	223

Lập, ngày 19 tháng 7 năm 2013

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Quốc Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	489.545.814	1.674.843.255
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	343.582.835	508.970.914
- Các khoản dự phòng	03	80.508.500	(5.540.210.600)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(451.527.520)	(2.021.944.974)
- Chi phí lãi vay	06	74.504.095	67.082.500
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	536.613.724	(5.311.258.905)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.328.294.130)	(16.450.846.635)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(21.260.455.928)	8.933.933.007
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(69.788.532)	(212.767.517)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(74.504.095)	(67.082.500)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.000.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.196.428.961)	(13.108.022.550)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.074.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	82.730.000	8.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	413.656.530	2.034.155.374
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	480.312.530	2.042.155.374

CHỈ TIÊU

**Mã Thuyết
số minh**

Năm nay

Năm trước

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

V.16

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.642.746.000	16.300.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.142.746.000)	(16.300.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-

V.19

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<u>(6.500.000.000)</u>	<u>-</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(30.216.116.431)	(11.065.867.176)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	52.109.268.520	32.348.684.167
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>21.893.152.089</u>	<u>21.282.816.991</u>

Lập, ngày 19 tháng 7 năm 2013

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Quốc Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B05 - CTCK

ban hành theo T.Tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2013	01/01/2012	6 tháng đầu năm 2013		Năm 2012		30/06/2013	Năm trước
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.19	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	V.19	636.000.000	636.000.000	-	-	-	-	636.000.000	636.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.19	(27.986.710.743)	(22.024.507.813)	489.545.814	-	-	(5.962.202.930)	(27.497.164.929)	(27.986.710.743)
Cộng		47.649.289.257	53.611.492.187	489.545.814	-	-	(5.962.202.930)	48.138.835.071	47.649.289.257

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Lập, ngày 19 tháng 7 năm 2013



Trịnh Quốc Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh chứng khoán
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 21 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Số dư cuối năm tài chính của các khoản phải thu khách hàng là khoản phải thu về nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ cho vay kinh doanh chứng khoán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

6. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập và sử dụng theo quy định và Điều lệ Công ty. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10 % vốn điều lệ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ công ty. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập hàng năm bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 100 % vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

11. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

12. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.254.700.664	26.680.597
Tiền gửi ngân hàng	8.638.451.425	31.162.587.923
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	943.640.089	2.225.373.020
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	11.964.571	2.994.710.943
- Tiền gửi ký quỹ nhà đầu tư	7.682.846.765	25.942.503.960
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	20.920.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	8.000.000.000	20.920.000.000
Cộng	<u>21.893.152.089</u>	<u>52.109.268.520</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

2.1 Tình hình nắm giữ chứng khoán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu dài ngắn hạn	3.470.561.260	3.470.561.260
Cổ phiếu niêm yết	81.260	81.260
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.470.480.000	3.470.480.000
Đầu tư ngắn hạn khác	625.314	625.314
Cộng	<u>3.471.186.574</u>	<u>3.471.186.574</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.2 Tình hình ủy thác đầu tư chứng khoán như sau

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu niêm yết			81.260	81.260	(66.760)	(58.260)	14.500	23.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí (PXL)	5	5	81.260	81.260	(66.760)	(58.260)	14.500	23.000
Cổ phiếu chưa niêm yết			3.470.480.000	3.470.480.000	(80.500.000)	-	3.389.980.000	3.977.980.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Exim (Eximland)	200.000	200.000	2.460.000.000	2.460.000.000	-	-	2.460.000.000	2.460.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng (Socon)	10.880	10.880	228.480.000	228.480.000	-	-	228.480.000	228.480.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (Hanaka)	54.000	54.000	432.000.000	432.000.000	-	-	432.000.000	432.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu Điện (PMT)	35.000	35.000	350.000.000	350.000.000	(80.500.000)	-	269.500.000	857.500.000
Cộng			3.470.561.260	3.470.561.260	(80.566.760)	(58.260)	3.389.994.500	3.978.003.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Cổ phiếu	Đã niêm yết	Chưa niêm yết	Cộng
Giá trị theo sổ kế toán	81.260	3.470.480.000	3.470.561.260
Giá trị theo thị trường	14.500	3.389.980.000	3.389.994.500
Số phải trích lập dự phòng tại 30/6/2013	66.760	80.500.000	80.566.760
Số đã trích lập dự phòng tại 31/12/2012	58.260	-	58.260
Số trích lập bổ sung kỳ này	8.500	80.500.000	80.508.500

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	58.260
Trích lập dự phòng bổ sung	80.508.500
Số cuối kỳ	80.566.760

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.1 Phải thu khách hàng	32.379.674.534	28.003.094.000
- Phải thu về hợp đồng nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	5.170.550.000	3.634.950.000
- Phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán	27.209.124.534	24.368.144.000
4.2 Trả trước cho người bán	140.000.000	179.333.774
- Công ty TNHH Luật Hà Trần	130.000.000	130.000.000
- Công ty TNHH XD Thương mại Hợp Lực	10.000.000	10.000.000
- Đối tượng khác	-	39.333.774
4.3 Các khoản phải thu khác	74.340.986	58.293.616
- Tiền lương phải thu nhân viên	-	10.640.032
- Đối tượng khác	74.340.986	47.653.584
Cộng	32.594.015.520	28.240.721.390

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi từ khoản cho vay ký quỹ chứng khoán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.474.363.034	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	7.474.363.034
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	7.474.363.034	7.474.363.034

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	-	167.200.000
Chi phí thuê máy và các các thiết bị khác	3.841.428	18.139.999
Dịch vụ bảo trì phần mềm	2.146.668	1.166.669
Chi phí giao dịch chứng khoán	217.431.500	-
Cộng	223.419.596	186.506.668

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng phải thu của nhân viên.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	66.000.000	3.658.063.724	3.724.063.724
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	(66.000.000)	(808.690.365)	(874.690.365)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(66.000.000)</i>	<i>(71.605.000)</i>	<i>(137.605.000)</i>
<i>Giảm theo thông tư 45/2013/TT-BTC</i>		<i>(737.085.365)</i>	<i>(737.085.365)</i>
Số cuối kỳ	-	2.849.373.359	2.849.373.359
<i>Trong đó:</i>			
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.140.152.676	1.140.152.676
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	33.000.000	2.978.034.271	3.011.034.271
Tăng do khấu hao	550.000	193.628.868	194.178.868
Giảm trong kỳ	(33.550.000)	(738.538.421)	(772.088.421)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(33.550.000)</i>	<i>(59.195.990)</i>	<i>(92.745.990)</i>
<i>Giảm theo thông tư 45/2013/TT-BTC</i>		<i>(679.342.431)</i>	<i>(679.342.431)</i>
Số cuối kỳ	-	2.433.124.718	2.433.124.718
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	33.000.000	680.029.453	713.029.453
Số cuối kỳ	-	416.248.641	416.248.641

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính của Công ty.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.026.901.850	1.216.918.544	809.983.306
Tăng trong kỳ	-	133.329.967	-
Giảm trong kỳ theo thông tư 45/2013/TT-BTC	(16.074.000)	(16.074.000)	-
Số cuối kỳ	2.010.827.850	1.334.174.511	676.653.339

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng nâng cấp phần mềm Ebrocker.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	72.275.096	58.662.934	20.731.919	110.206.111
Chi phí sửa chữa tài sản	72.481.054	91.769.700	39.082.177	125.168.577
Cộng	144.756.150	150.432.634	59.814.096	235.374.688

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền nộp ban đầu	2.795.778.873	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	-	2.399.990.914
Tiền lãi phân bổ	-	275.787.959
Số cuối kỳ	2.795.778.873	2.795.778.873

14. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Kỳ này
Số đầu năm	6.500.000.000
Số tiền vay phát sinh	20.642.746.000
Số tiền vay đã trả	(27.142.746.000)
Số cuối kỳ	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.200.000	1.200.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.612.321.236)	-	-	(1.612.321.236)
Thuế thu nhập cá nhân	13.990.848	535.280.405	453.809.991	95.461.262
Cộng	(1.598.330.388)	536.480.405	455.009.991	(1.516.859.974)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Các hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán không thuộc diện chịu thuế GTGT. Các hoạt động cho thuê nhà và cung cấp một số dịch vụ khác trong kỳ chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	489.545.814	1.674.843.255
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	156.000.000	48.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	156.000.000	48.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	72.000.000	48.000.000
Tiền phạt hành chính	84.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	645.545.814	1.722.843.255
Lỗi các năm trước được chuyển	(645.545.814)	(1.722.843.255)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.000.000	78.892
Cộng	1.004.000.000	78.892

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả Sở GDCK	42.325.450	26.615.166
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	13.913.212	14.378.852
Phải trả nhà đầu tư	7.363.498.371	28.724.590.465
Cộng	7.419.737.033	28.765.584.483

19. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	75.000.000.000	636.000.000	(22.024.507.813)	53.611.492.187
Lợi nhuận năm trước	-	-	(5.962.202.930)	(5.962.202.930)
Số dư cuối năm trước	75.000.000.000	636.000.000	(27.986.710.743)	47.649.289.257
Số dư đầu năm nay	75.000.000.000	636.000.000	(27.986.710.743)	47.649.289.257
Lợi nhuận kỳ	-	-	489.545.814	489.545.814
Số dư cuối kỳ	75.000.000.000	636.000.000	(27.497.164.929)	48.138.835.071

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.500.000	7.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.500.000	7.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.500.000	7.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	413.656.530	729.651.084
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	200.708.606	263.178.108
Lãi hợp đồng giao dịch ký quỹ	1.451.421.368	1.304.504.290
Doanh thu khác	13.901.255	32.546.740
Cộng	2.079.687.759	2.329.880.222

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	325.205.167	513.083.766
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	50.333.600	4.430.445.600
Chi phí nhân viên trực tiếp	592.609.356	714.875.265
Chi phí vật tư đồ dùng	-	17.035.978
Chi phí khấu hao TSCĐ	237.365.168	361.699.876
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	382.411.289	309.441.720
Chi phí dự phòng	80.508.500	(5.540.210.600)
Chi phí khác	74.504.095	273.731.556
Cộng	1.742.937.175	1.080.103.161

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	968.238.360	1.108.654.861
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.516.686	63.183.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.143.667	147.271.038
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.346.734	1.055.302.475
Chi phí bằng tiền khác	65.874.350	59.476.361
Cộng	1.730.119.797	2.436.887.975

4. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thanh lý tài sản	82.730.000	8.000.000
Thu nhập khác	-	3.057.984
Cộng	82.730.000	11.057.984

5. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	44.859.010	20.210.400
Thù lao trả cho HĐQT và BGD	72.000.000	62.000.000
Nộp phạt vi phạm cho UBCK nhà nước	84.000.000	-
Phạt vi phạm hợp đồng	62.820.000	-
Cộng	263.679.010	82.210.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	489.545.814	1.674.843.255
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	489.545.814	1.674.843.255
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.500.000	7.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	65	223

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.500.000	7.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.500.000	7.500.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp	150.724.605	161.707.721
Cộng	150.724.605	161.707.721

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.893.152.089	-	-	-	21.893.152.089
Phải thu khách hàng	24.893.602.031	-	-	7.486.072.503	32.379.674.534
Các khoản phải thu khác	116.851.986	-	-	-	116.851.986
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.121.105.314	-	-	350.081.260	3.471.186.574
Cộng	50.024.711.420	-	-	7.836.153.763	57.860.865.183
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.109.268.520	-	-	-	52.109.268.520
Phải thu khách hàng	19.781.607.000	-	-	8.221.487.000	28.003.094.000
Các khoản phải thu khác	90.164.584	-	-	-	90.164.584
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.471.186.574	-	-	-	3.471.186.574
Cộng	75.452.226.678	-	-	8.221.487.000	83.673.713.678

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	8.423.737.033	-	-	8.423.737.033
Cộng	8.423.737.033	-	-	8.423.737.033
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	28.765.663.375	-	-	28.765.663.375
Cộng	35.265.663.375	-	-	35.265.663.375

Hội đồng quản trị cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.893.152.089	52.109.268.520
Vay và nợ	-	(6.500.000.000)
Tài sản thuần	21.893.152.089	45.609.268.520

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.893.152.089	-	52.109.268.520	-	21.893.152.089	52.109.268.520
Phải thu khách hàng	32.379.674.534	(7.474.363.034)	28.003.094.000	(7.474.363.034)	24.905.311.500	20.528.730.966
Các khoản phải thu khác	116.851.986	-	90.164.584	-	116.851.986	90.164.584
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.471.186.574	(80.566.760)	3.471.186.574	(58.260)	3.390.619.814	3.471.128.314
Cộng	57.860.865.183	(7.554.929.794)	83.673.713.678	(7.474.421.294)	50.305.935.389	76.199.292.384

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	-	6.500.000.000	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	8.423.737.033	28.765.663.375	8.423.737.033	28.765.663.375
Cộng	8.423.737.033	35.265.663.375	8.423.737.033	35.265.663.375

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2013

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Quốc Vân